TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V TỈNH B	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 04/2018/QĐST-HNGĐ	*Vân Canh, ngày 15 tháng 01 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 01/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Anh Đào Duy H, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn H, xã C, huyện V, tỉnh B

Bị đơn: Chị Trương Thị C, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện V, tỉnh B

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05 tháng 01 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05 tháng 01 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Đào Duy H và chị Trương Thị C

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Anh Đào Duy H và chị Trương Thị C thuận tình ly hôn.

2.2. Về nuôi con chung:

2.2.1. Giao con chung Đào Trương Ngọc T, sinh ngày 06/9/2015 cho chị Trương Thị C trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2.2. Về cấp dưỡng cho con: Anh H chấp nhận đóng góp nuôi con với chị C số tiền là 500.000đ/tháng (năm trăm nghìn đồng một tháng) cho đến khi cháu T thành niên (đủ

18 tuổi). Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày Tòa án nhân dân huyện V ban hành quyết định này.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung.

2.3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh H, chị C không yêu cầu Tòa giải quyết.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5, điểm a, b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh H, chị C mỗi người phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình. Anh H phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ. Anh H chịu nộp thay cho chị C 75.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Tổng số tiền án phí anh H phải chịu là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0006810 ngày 02/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh B. Anh H đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện V;
- UBND xã C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Văn Duy